|  |
| --- |
|  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

- Thời điểm kiểm tra: Tuần 27 của năm học 2023 - 2024.  
- Thời gian làm bài: 45 phút- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận với tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận;- Cấu trúc:+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, (gồm 28 câu hỏi trong đó nhận biết: 16 câu, thời gian làm bài 0,75 phút/câu; thông hiểu: 16 câu, thời gian làm bài 1,5 phút/câu)

+ Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 1 câu, thời gian làm bài 10 phút; Vận dụng cao: 1 câu, thời gian làm bài 5 phút).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Số tiết** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Tổng điểm** |
| **Số CH** | **Điểm** | **Số CH** | **Điểm** | **Số CH** | **Điểm** | **Số CH** | **Điểm** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Chương IV – Phòng, trị bệnh cho vật nuôi**  **(13 tiết)** | **Bài 11.** Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi | 2 | **2** | 0,5 | **1** | 0,25 |  |  |  |  | 3 | 0 | 0,75 |
| **Bài 12.** Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị | 3 | **3** | 0,75 | **2** | 0,5 |  |  |  |  | 5 | 0 | 1,25 |
| **Bài 13.** Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị | 3 | **3** | 0,75 | **3** | 0,75 |  |  |  |  | 6 | 0 | 1,5 |
| **Bài 14.** Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị | 3 | **3** | 0,75 | **2** | 0,5 | **1** | 2,0 |  |  | 5 | 1 | 3,25 |
| **Bài 15.** Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi | 2 | **2** | 0,5 | **2** | 0,5 |  |  |  |  | 4 | 0 | 1,0 |
| **2** | **Chương V – Công nghệ**  **chăn nuôi**  **(5 tiết)** | **Bài 16.** Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi | 2 | **2** | 0,5 | **1** | 0,25 |  |  | **1** | 1,0 | 3 | 1 | 1,75 |
| **Bài 17.** Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | 3 | **1** | 0,25 | **1** | 0,25 |  |  |  |  | 2 | 0 | 0,5 |
| **Tổng** | |  |  | **16** | **4** | **12** | **3** | **1** | **2** | **1** | **1** | **28** | **2** | **10** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  |  | **40** | | **30** | | **30** | | **0** | |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %)** | |  |  | **70** | | | | **30** | | | |  |  |  |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- Trong mỗi đơn vị kiến thức chỉ nên ra một câu mức độ vận dụng hoặc mức độ vận dụng cao.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II, NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi số** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Chương IV – Phòng, trị bệnh cho vật nuôi**  **(13 tiết)** | **Bài 11.** Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi | **Nhận biết** | - Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi. | **1** |  | **C1** |  |
| - Kể tên được một số loại bệnh phổ biến ở vật nuôi. |  |  |  |  |
| - Kể tên được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | **1** |  | **C2** |  |
| **Thông hiểu** | - Phân tích được tác hại của bệnh trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Giải thích được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | **1** |  | **C17** |  |
| - Phân biệt được phòng bệnh và trị bệnh. |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò của phòng trị bệnh với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  |  |  |
| **2** | **Bài 12.** Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị | **Nhận biết** | - Kể tên được một số bệnh phổ biến ở lợn. |  |  |  |  |
| - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến ở lợn. | **1** |  | **C3** |  |
| - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến ở lợn. | **2** |  | **C4, 5** |  |
| - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở lợn. |  |  |  |  |
| - Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở lợn. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến ở lợn. | **1** |  | **C18** |  |
| - Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến ở lợn. |  |  |  |  |
| - Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở lợn. | **1** |  | **C19** |  |
| - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến ở lợn. |  |  |  |  |
| - Phân tích được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở lợn. |  |  |  |  |
| **3** |  | **Bài 13.** Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị | **Nhận biết** | - Kể tên được một số bệnh phổ biến ở gia cầm. | **1** |  | **C6** |  |
| - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến ở gia cầm. | **1** |  | **C7** |  |
| - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến ở gia cầm. | **1** |  | **C8** |  |
| - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở gia cầm. |  |  |  |  |
| - Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở gia cầm. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến ở gia cầm. | **2** |  | **C20, 21** |  |
| - Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến ở gia cầm. |  |  |  |  |
| - Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở gia cầm. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến ở gia cầm. | **1** |  | **C22** |  |
| - Phân tích được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **4** | **Bài 14.** Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị | **Nhận biết** | - Kể tên được một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến ở trâu bò. | **1** |  | **C9** |  |
| - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến ở trâu bò. | **2** |  | **C10, 11** |  |
| - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| - Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| - Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| - Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến ở trâu bò. | **2** |  | **C23, 24** |  |
| - Phân tích được ưu nhược điểm của các biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến ở trâu bò. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. |  | **1** | **C29** |  |
| **Vận dụng cao** | - Đề xuất được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương (đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường). |  |  |  |  |
| **5** | **Bài 15.** Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi | **Nhận biết** | - Kể tên được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **1** |  | **C12** |  |
| - Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **1** |  | **C13** |  |
| - Nêu được một số thành tựu của ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **1** |  | **C25** |  |
| - Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. | **1** |  | **C26** |  |
| **Vận dụng** | Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học trong phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| **6** | **Chương V – Công nghệ**  **chăn nuôi**  **(5 tiết)** | **Bài 16.** Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm chuồng nuôi. | **1** |  | **C14** |  |
| - Trình bày được những yêu cầu chung của chuồng nuôi. | **1** |  | **C15** |  |
| - Kể tên được các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được đặc điểm của các loại chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Kể tên được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được những yêu cầu chung của chuồng nuôi. | **1** |  | **C27** |  |
| - Phân tích được các yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến. |  |  |  |  |
| - So sánh được các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Phân tích được đặc điểm của các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Giải thích được ý nghĩa của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| - Tóm tắt được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Đề xuất được kiểu chuồng nuôi phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| - Đề xuất được biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. |  | **1** | **C30** |  |
| **7** | **Bài 17.** Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | **Nhận biết** | - Kể tên được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…). | **1** |  | **C16** |  |
| - Nêu được ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Tóm tắt được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…). | **1** |  | **C28** |  |
| - Giải thích được ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. |  |  |  |  |
| - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. |  |  |  |  |
| - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
|  | **Tổng số câu** | |  |  | **28** | **2** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *(Đề thi có 04 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI - LỚP 11 *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)***  ***Ngày kiểm tra: 16/03/2024*** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ........................................................ | Số báo danh: .................... | **ĐỀ GỐC** |

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1.** Bệnh ở vật nuôi là

**A.** trạng thái không bình thường của vật nuôi như sốt, bỏ ăn, ... ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng, phát triển của vật nuôi, bệnh nặng có thể gây chết.

**B.** quá trình sinh trưởng, phát triển bình thường của vật nuôi.

**C.** trạng thái không bình thường của vật nuôi như sốt, bỏ ăn, ... ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng, phát triển của vật nuôi.

**D.** hiện tượng xảy ra ở cơ thể vật nuôi khi có tồn tại các yếu tố gây bệnh khác nhau.

**Câu 2.** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi

**A.** bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

**B.** bảo vệ động vật.

**C.** bảo vệ chuồng nuôi.

**D.** chăm lo sức khỏe cho vật nuôi.

**Câu 3.** Đâu là biểu hiện điển hình của bệnh dịch tả lợn cổ điển:

**A.** Sốt cao, bỏ ăn, trên da có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, cơ quan nội tạng xuất huyết lấm chấm như đinh ghim.

**B.** Sốt cao kèm tiêu chảy, cơ quan nội tạng xuất huyết đỏ như muỗi đốt.

**C.** Sốt cao, bỏ ăn, uống nhiều nước, mũi khô.

**D.** Trên da có nhiều nốt xuất huyết đỏ như muỗi đốt, bỏ ăn.

**Câu 4.** Nguyên nhân gây ra bệnh tai xanh ở lợn là:

**A.** Virus có vật chất di truyền là RNA, thuộc họ *Flaviviridae.*

**B.** Virus có vật chất di truyền là RNA, thuộc họ *Arteriviridae.*

**C.** Vi khuẩn Gram âm *Pasteurella multocida.*

**D.** Virus có vật chất di truyền là RNA, thuộc họ *Paramyxoviridae.*

**Câu 5.** Nguyên nhân gây ra bệnh tụ huyết trùng ở lợn là:

**A.** Virus có vật chất di truyền là RNA, thuộc họ *Flaviviridae.*

**B.** Virus có vật chất di truyền là RNA, thuộc họ *Arteriviridae.*

**C.** Vi khuẩn Gram âm *Pasteurella multocida.*

**D.** Virus có vật chất di truyền là RNA, thuộc họ *Paramyxoviridae.*

**Câu 6.** Các bệnh phổ biến trên gia cầm là:

**A.** Bệnh cúm gia cầm, tụ huyết trùng gia cầm, bệnh Newcastle.

**B.** Bệnh cúm gia cầm, tụ huyết trùng gia cầm, lở mồm long móng.

**C.** Bệnh cúm gia cầm, tụ huyết trùng gia cầm, bệnh tai xanh.

**D.** Bệnh cúm gia cầm, bệnh newcaste, lở mồm long móng.

**Câu 7.** Đặc trưng của bệnh Newcastle là

**A.** gây viêm, xuất huyết các cơ quan đường tiêu hoá, hô hấp và thần kinh.

**B.** sốt cao, có những biểu hiện bệnh lí ở hệ thống tiêu hoá, hô hấp, thần kinh và sinh sản.

**C.** gâynhiễm trùng máu làm gia cầm chết nhanh, tỉ lệ chết cao.

**D.** gây tụ huyết từng mảng và xuất huyết ở một số vùng như niêm mạc mắt, miệng, mũi, da.

**Câu 8.** Bệnh cúm gia cầm do tác nhân nào gây ra ?

**A.** virus *Paramyxovirus*  **B.** vi khuẩn *Pasteurella multocida*

**C.** nấm **D.** virus cúm type A

**Câu 9.** Triệu chứng bệnh lở mồm, long móng là gì?

**A.** Xuất huyết ở các bề mặt niêm mạc, mỡ bụng. Xuất huyết và hoại tử tuyến tụy.

**B.** Ủ rũ, vận động chậm, bỏ ăn, chảy nhiều nước mũi, nước dãi, liệt chân, ngoẹo cổ.

**C.** Gây tụ huyết từng mảng và xuất huyết ở một số vùng như niêm mạc mắt, miệng, mũi, da.

**D.** Chảy nước mũi, nước bọt. Móng bị nứt.

**Câu 10.** Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là vi khuẩn:

**A.** Gram dương *Pasteurella*  **B.** Gram dương *Peptidoglycan*

**C.** Gram âm *Pasteurella* **D.** Gram âm *Peptidoglycan*

**Câu 11.** Bệnh lở mồm, long móng gây hại ở những động vật nào sau đây?

**A.** Trâu, bò, dê, lợn. **B.** Trâu, bò, gà, vịt.

**C.** Trâu, bò, chó, mèo. **D.** Gia súc, gia cầm.

**Câu 12.** Đâu **không** phải ưu điểm của vaccine DNA tái tổ hợp?

**A.** ít tốn kém **B.** độ an toàn cao

**C.** đơn giản **D.** quy mô sản xuất nhỏ

**Câu 13.** Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

**A.** Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khoẻ của con vật nữa.

**B.** Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn.

**C.** Giúp vật nuôi trở nên khoẻ mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.

**D.** Giúp vật nuôi không bị bệnh.

**Câu 14.** Vai trò của chuồng nuôi

**A.** Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết.

**B.** Giúp vật nuôi hạn chế tiếp xúc mầm bệnh.

**C.** Nâng cao năng suất chăn nuôi.

**D.** là nhà ở, tạo khí hậu thích hợp để vật nuôi sống tốt, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

**Câu 15.** Xây dựng chuồng nuôi theo hướng nào để đón gió mát và ánh sáng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng?

**A.** Hướng đông bắc. **B.** Hướng tây bắc hoặc nam.

**C.** Hướng nam hoặc đông nam. **D.** Hướng đông hoặc đông nam.

**Câu 16.** Mật độ nuôi gà đẻ trứng từ

**A.** 2 đến 3 con/m2 **B.** 3 đến 3,5 con/m2

**C.** 4 đến 5 con/m2 **D.** 2 đến 3,5 con/m2

**Câu 17.** Nội dung nào sau đây **không**phản ánhvai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong chăn nuôi?

**A.** Về khoa học: đóng góp những tri thức và kinh nghiệm quý báu cho nghiên cứu về chăn nuôi.

**B.** Về kinh tế: giảm chi phí trị bệnh và chống dịch, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả chăn nuôi.

**C.** Đối với sức khoẻ cộng đồng: cung cấp thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và an toàn; ngăn ngừa bệnh lây từ động vật sang người.

**D.** Về bảo vệ môi trường: giảm nguy cơ tồn tại, phát tán mầm bệnh, giảm sử dụng các biện pháp chống dịch; tăng hiệu quả sử dụng thức ăn và rút ngắn thời gian nuôi.

**Câu 18.** Lợn mắc bệnh dịch tả lợn cổ điển và bệnh tai xanh có triệu chứng giống nhau là

**A.** sốt cao. **B.** tai chuyển màu xanh tím.

**C.** da có nhiều điểm xuất huyết. **D.** ho.

**Câu 19.** Đâu **không phải** là biện pháp phòng, trị bệnh tai xanh ở lợn ?

**A.** Giữ vệ sinh chuồng trại: Khô ráo, thông thoáng, sát trùng định kì, thực hiện tốt biện pháp chăn nuôi “cùng vào-cùng ra”.

**B.** Tiêm vaccine đầy đủ theo khuyến cáo.

**C.** Tắm rửa thường xuyên cho lợn bệnh.

**D.** Dùng Sorbitol để giải độc gan, thận cho lợn.

**Câu 20.** Đặc điểm nào sau đây **không** xuất hiện ở gà bị mắc bệnh Newcastle?

**A.** Mào màu tím tái **B.** Mắt lồi, xuất huyết

**C.** Nhớt dãi chảy nhiều **D.** Thực quản xuất huyết

**Câu 21.** Đâu **không phải** biểu hiện đặc trưng của bệnh cúm gia cầm?

**A.** Thời gian ủ bệnh từ vài giờ đến vài ngày.

**B.** Con vật sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi.

**C.** Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.

**D.** Mào hết nước, thâm tím.

**Câu 22.** Đâu **không phải** biện pháp đúng về điều trị bệnh cúm gia cầm?

**A.** Dùng thuốc đặc trị bệnh cúm gia cầm để giảm thiểu thiệt hại nhiều nhất có thể.

**B.** Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.

**C.** Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển gia cầm từ nơi khác về.

**D.** Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y, bao gồm: tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng triệt để chuồng trại và phương tiện, dụng cụ bằng biện pháp thích hợp.

**Câu 23.** Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Ý nào **không** đúng?

**A.** Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống.

**B.** Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim.

**D.** Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lí và điều trị bệnh.

**Câu 24.** Cho các nội dung sau:

1. Kịp thời báo cho thú y địa phương.

2- Lập tức tiêu hủy vật nuôi bị bệnh để tránh lây lan.

3- Kết hợp dùng kháng sinh, tiêm thuốc trợ tim, trợ sức.

4- Truyền dịch nếu cần thiết.

Các biện pháp đúng khi phát hiện trâu, bò bị bệnh tụ huyết trùng?

**A.** 1-2-3. **B.** 2-3-4 **C.** 1-3-4. **D.** 1-2-4.

**Câu 25.** Dưới đây là những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. Ý nào **không** đúng?

**A.** Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh.

**B.** Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp.

**C.** Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn.

**D.** Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển.

**Câu 26.** Đâu **không phải** một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

**A.** Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi.

**B.** Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi.

**C.** Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi.

**D.** Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại.

**Câu 27.** Đâu **không** phải yêu cầu về chuồng nuôi?

**A.** Xây dựng nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông.

**B.** Hướng chuồng: hướng tây hoặc tây – nam.

**C.** Nền chuồng: khô ráo và ấm áp, chắc chắn, độ dốc vừa phải, dễ thoát nước và nền cao hơn mặt đất xung quanh.

**D.** Kiến trúc xây dựng: phù hợp với đặc điểm sinh lí từng loại vật nuôi, áp dụng tối đa công nghệ mới trong xây dựng chuồng trại và sử dụng thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa.

**Câu 28.** Nội dung nào đúng về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng ?

**A.** Chuồng gà được xây dựng ở nơi ồn ào, đông dân cư.

**B.** Bổ sung bột vỏ trứng, bột xương hay vỏ sò, vỏ hến nghiền nhỏ.

**C.** Cường độ chiếu sáng mạnh trên 30 lux.

**D.** Nhiệt độ chuồng 18 độ C đến 30 độ C, độ ẩm 65% đến 80%.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 29. (2 điểm)** Đề xuất một số biện pháp phòng, trị bệnh tai xanh ở lợn và bệnh cúm gia cầm phù hợp với thực tiễn địa phương em.

**Câu 30. (1 điểm)** Đề xuất một số giải pháp làm giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nông hộ (gà, lợn, trâu, bò, …) ở gia đình, địa phương em.

***------ HẾT ------***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI - LỚP 11 *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)***  ***Ngày kiểm tra: 16/03/2024*** |

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

Đúng 1 câu đạt 0.25đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề gốc** | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Đáp án | **A** | **A** | **A** | **B** | **C** | **A** | **A** | **D** | **D** | **C** | **A** | **D** | **B** | **D** |
| Câu | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| Đáp án | **C** | **B** | **A** | **A** | **C** | **B** | **D** | **A** | **C** | **C** | **C** | **D** | **B** | **B** |

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 29** | **Biện pháp phòng, trị bệnh tai xanh ở lợn:**  - Giữ vệ sinh chuồng trại: Khô ráo, thông thoáng, sát trùng định kì, thực hiện tốt biện pháp chăn nuôi “cùng vào-cùng ra”. Tiêm vaccine đầy đủ.  - Khi phát hiện lợn bệnh cần báo ngay cho thú y địa phương.  - Không được tắm cho lợn bệnh, dùng Sorbitol để giải độc gan, thận cho lợn. Có thể dùng thuốc hạ sốt, thuốc kháng sinh, thuốc kháng khuẩn rộng để điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ thú y.  **Biện pháp phòng, trị bệnh cúm gia cầm:**  - Bệnh không có thuốc điều trị, ngăn ngừa bệnh bằng cách vệ sinh, khử trùng dụng cụ, hạn chế cho gia cầm tiếp xúc với chim hoang dã, tiêm vaccine.  - Khi gia cầm bị bệnh cần báo cho thú y địa phương, tiêu huỷ gia cầm ốm theo đúng quy định, phun thuốc sát trùng, tiêu độc theo đúng quy định. Đặc biệt do mầm bệnh có khả năng lây truyền, gây bệnh và gây tử vong ở người. | **1**  **1** |
| **Câu 30** | - Vệ sinh chuồng nuôi:  + Quét dọn sạch sẽ nền chuồng, lối đi.  + Khơi thông rãnh thoát nước và nước thải.  + Vệ sinh sạch sẽ khử trùng trước và sau đợt nuôi mới.  - Tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi:  + Phun thuốc định kỳ, khử trùng chuồng nuôi bằng thuốc sát trùng, xà phòng, nước vôi…  + Hàng năm định kỳ quét vôi, vệ sinh, tẩy uế chuồng trại.  - Thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi: thường xuyên, kịp thời để đưa đi xử lí. | **0.5**  **0.25**  **0.25** |

***------ HẾT ------***